

Số: 06/TB-TNH

Tân Phú, ngày 03 tháng 01 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**CÔNG BỐ CÔNG KHAI SỐ LIỆU CHI NGÂN SÁCH**  
**QUÝ IV NĂM 2023**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy Ban Nhân dân quận Tân Phú về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 6914/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy Ban Nhân Dân Quận Tân Phú về giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Để đảm bảo công tác công khai tình hình thực hiện dự toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính; Trường THCS Thoại Ngọc Hầu đã thực hiện việc tổng hợp tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 4 năm 2023 (đính kèm biểu mẫu).

Số liệu công khai được niêm yết tại phòng giáo viên của Trường THCS Thoại Ngọc Hầu.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH Q. Tân Phú;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, KT.



## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 4 Năm 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/ dự toán năm ( tỷ lệ % )	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
<b>A.</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I.</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
<b>II.</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
<b>III.</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
<b>B.</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	16.834.691.679	4.849.888.863	29	91
<b>I.</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	16.834.691.679	4.849.888.863	29	91
1.	Chi quản lý hành chính				
1.1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2.	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1.	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16.834.691.679	4.849.888.863	29	91
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.327.119.340	8.190.905.162	98	95
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.507.572.339	(3.341.016.299)	(39)	102

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/ dự toán năm ( tỷ lệ % )	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
4.	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5.	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6.	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7.	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8.	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9.	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10.	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11.	<b>Quốc phòng</b>				
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
12.	<b>An ninh và trật tự an toàn xã hội</b>				
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II.	<b>II. Nguồn viện trợ</b>				
III.	<b>III. Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				

Ngày 3 tháng 1 năm 2024

Người lập biểu  
(Ký, họ và tên)



Vũ Ngọc Thanh Huyền

Kế toán trưởng  
(Ký, họ và tên)



Vũ Ngọc Thanh Huyền

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Đình Anh

Số: 07/TB-TNH

Tân Phú, ngày 03 tháng 01 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**CÔNG BỐ CÔNG KHAI SỐ LIỆU CHI NGÂN SÁCH**  
**6 THÁNG CUỐI NĂM 2023**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy Ban Nhân dân quận Tân Phú về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 6914/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy Ban Nhân Dân Quận Tân Phú về giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Để đảm bảo công tác công khai tình hình thực hiện dự toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính; Trường THCS Thoại Ngọc Hầu đã thực hiện việc tổng hợp tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 4 năm 2023 (đính kèm biểu mẫu).

Số liệu công khai được niêm yết tại phòng giáo viên của Trường THCS Thoại Ngọc Hầu.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH Q.Tân Phú;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, KT.



**Phạm Đình Anh**

## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/dự toán năm ( tỷ lệ % )	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
A.	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I.	Số thu phí, lệ phí				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
II.	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
III.	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
B.	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.834.691.679	7.787.076.777	46	88
I.	Nguồn ngân sách trong nước	16.834.691.679	7.787.076.777	46	88
1.	Chi quản lý hành chính				
1.1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2.	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1.	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16.834.691.679	7.787.076.777	46	88
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.327.119.340	8.191.086.200	98	87
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.507.572.339	(404.009.423)	(5)	62

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/ dự toán năm ( tỷ lệ % )	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước ( tỷ lệ % )
A	B	1	2	3	4
4.	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5.	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6.	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7.	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8.	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9.	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10.	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11.	<b>Quốc phòng</b>				
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
12.	<b>An ninh và trật tự an toàn xã hội</b>				
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II.	<b>II. Nguồn viện trợ</b>				
III.	<b>III. Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				

Ngày 3 tháng 1 năm 2024

Người lập biểu  
(Ký, họ và tên)



Vũ Ngọc Thanh Huyền

Kế toán trưởng  
(Ký, họ và tên)



Vũ Ngọc Thanh Huyền

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Đình Anh